

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HSST

Ngày 29 - 11 - 2021

**N H Â N D Â N H
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Quang T, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2004; nơi cư trú: Xóm P, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Bố đẻ: Trần Văn C, sinh năm: 1980; Mẹ đẻ: Vũ Thị T, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Gia đình có 3 anh em bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15/7/2021, đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Xóm P, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Thủy - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định (Có mặt).

Đại diện tổ chức tham gia Tố tụng: Bà Vũ Thị Phụng - Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Trung Đông, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định (Có mặt).

Bị hại: Anh Lê Hoàng N, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2004; Nơi cư trú: Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 25/4/2021, Ngô Thiên S gọi điện thoại cho anh Triệu Quốc Tr, sinh năm: 1991 ở TDP B, TT C, huyện T, tỉnh Nam Định (là chủ quán Internet “Tuấn Triệu” ở TDP B, TT C) có quen biết với S từ trước, mục đích hỏi vay tiền; S nói: “Anh cho em mượn mấy triệu, lúc nào về em trả”. Do ngày 24/4/2021, Tr có cho S vay số tiền 2.000.000 đồng để nạp vào tài khoản Game nhưng S vẫn chưa trả nên Tr nói: “Anh không còn tiền, với lại mày còn đang nợ tiền của anh nên anh không cho mượn được”.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, S đang chơi ở nhà anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1998 ở TDP B, TT C; S gọi điện cho Trần Quang T mục đích hỏi vay tiền. Lúc này, T đang ngồi chơi Game cùng các anh với Vũ Đình C, sinh ngày: 13/10/2004; Vũ Mạnh T2, sinh ngày: 22/9/2004 ở cùng thôn Đ, xã T và anh Lê Hoàng N tại quán Internet của anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1986 ở xóm M, xã T. S nói với T: “Đang đâu thế em, xuống anh nhờ tí”, T nói: “Em đang ngồi chơi, đợi tí em mượn xe rồi xuống”. Bản thân T biết S thường xuyên chơi ở nhà T1, do không có xe, T hỏi mượn xe C để đi xuống gặp S thì C đồng ý và nói “Tao không để ý xe hết xăng rồi đấy”, T không mượn xe anh C nữa và nói với anh N: “Cho tao mượn xe xuống đây tí”. N đồng ý đưa chìa khóa xe máy nhãn hiệu BOSSYMM50, biển số 18EA-012.32 cho T mượn. T đưa ví tiền của mình bên trong có khoảng 200.000 đồng để N trả tiền chơi Game rồi ra lén lấy xe máy của N đi xuống nhà T1. Đến nơi, S nói: “Dạo này anh chơi bởi thua quá em ạ, anh lại phải chuẩn bị bán nhà”, T không nói gì, S lại hỏi T: “Mày đi xe của ai xuống đây”, T nói: “Em đi xe của thằng bạn em xuống”. Do không có tiền nạp tài khoản chơi Game nên S nảy sinh ý định nhờ T đem chiếc xe máy trên đem cầm cố cho T để vay tiền. S nói với T: “Bây giờ mày giúp anh cái này được không, mày mang xe ra quán nét gần quán X-men để đấy bảo với anh Tr là anh S gửi cái xe rồi đưa chìa khóa cho anh ấy. Ngồi đợi đúng sáu giờ tối anh lấy xe cho mày về”. T hiểu ý S bảo mình đem xe máy mượn của anh N ra quán Internet của anh Tr cầm cố để S vay tiền. T nói: “Nhưng đây là xe bạn em”. S nói: “Anh chắc chắn với mày là sáu giờ tối sẽ lấy ra” thì T đồng ý và ra lấy xe máy đi. S gọi điện cho Tr nói: “Tí thằng em em cầm xe xuống gửi, anh cầm lấy cho em

vay thêm mấy triệu”, anh Tr hiểu ý S sẽ nhờ người đem xe máy xuống nhà anh Tr cầm cố làm tin để vay thêm tiền thì Tr đồng ý và nói: “Ừ mang xe xuống đây”. Sau đó, T đi xe máy đến nhà Nguyễn Đức H, sinh năm 2000 ở TDP H, trấn C rủ H đến quán Internet “Tuần Triệu” mục đích để chơi điện tử cùng đợi S lấy xe máy về trả. H không biết nguồn gốc chiếc xe máy T đang đi là xe mượn của N và đồng ý đi cùng. Khi đến quán Internet “Tuần Triệu”, T đi một mình vào gặp Tr nói: “Anh ơi, anh S bảo gửi anh cái xe” rồi đưa chìa khóa xe máy 18EA-012.32 cho Tr sau đó cùng H vào chơi điện tử. Anh Tr ra dắt chiếc xe do T đem đến vào trong nhà rồi gọi điện cho S nói: “Thằng em nó đưa xe cho anh đây rồi”. S nói: “Anh chuyển tiền cho em đi”, Tr đồng ý và chuyển thẻ nạp tiền vào tài khoản Game “MU Online” cho S số tiền thẻ trị giá 2.000.000 đồng và chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng số tiền 1.600.000 đồng. S đã sử dụng hết số tiền trên nạp vào tài khoản Game và chơi hết.

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, không thấy T mang xe về trả, N gọi điện cho T nói: “Mày đang ở đâu, không về à”, T nói: “Trả tiền rồi bảo thằng C chở xuống quán gần X-Men”. Sau đó, N cùng C, T2 xuống quán Internet gặp T. N hỏi T: “Xe đâu rồi về thôi”, T nói: “Anh tao bảo để xe ở quán nét này đúng sáu giờ tối ông ấy lấy ra cho, vào đây ngồi chơi với tao”, N liền hỏi: “Cắm à” thì T hứa 6 giờ tối (tức 18 giờ) sẽ lấy xe ra trả. Lúc này, N mới biết T mượn xe của mình sau đó đem đi cầm cố và N cùng đi vào quán để chơi Game đợi lấy xe.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T nhiều lần gọi điện cho S yêu cầu S lấy xe máy về trả cho N nhưng S không nghe điện thoại. T và N đi đến nhà T1 tìm thì mới gặp được S. T nói: “Xe của bạn em sao rồi anh, mẹ nó đang giục nó về” ý bảo S chuộc xe về trả cho N. S nói: “Nay anh lại chơi hết tiền rồi mà chả ai cho mượn, mày đợi anh mượn mấy người xem”. S đi ra sân đứng, lúc sau gọi T ra nói: “Anh chưa mượn được tiền, anh hứa sáng mai anh chuộc xe trả cho”. T đi vào nhà nói với N: “Mượn rồi người ta không chuyển tiền cho nữa, mai tao với anh S lấy xe ra cho”. Sau đó, N và T đi về nhà H ngủ nhờ còn S ngủ lại nhà T1. Sáng ngày 26/4/2021, N đi học còn T ở lại nhà H. N nhiều lần gọi điện cho T yêu cầu T có trách nhiệm chuộc xe về trả cho N. T lại gọi điện cho S để yêu cầu S chuộc xe về trả cho N. Do không có tiền chuộc xe về trả cho N, S cố tình không nghe điện thoại và tắt máy điện thoại mục đích để T và N không liên lạc được rồi bỏ đi lang thang, trốn tránh gặp T và N nhằm chiếm đoạt chiếc xe máy không trả cho N. Do không liên lạc được với S, bản thân T cũng không có tiền chuộc xe về trả cho N, T cũng tắt điện thoại bỏ đi lang thang không dám về nhà.

Tối ngày 26/4/2021, N về nhà nói chuyện với mẹ là chị Nguyễn Thúy H, sinh năm: 1970 về việc T và S mượn xe máy của mình đem đi cầm cố không trả. Chị H đã đến gặp anh Trần Văn C và chị Vũ Thị T (là bố mẹ đẻ của T) để nói chuyện, yêu

cầu gia đình T có trách nhiệm chuộc xe máy về trả cho N. Anh C, chị T đã gọi điện liên hệ với T nhưng không liên lạc được. Biết tin gia đình N đến nhà gặp bố mẹ mình yêu cầu trả xe cho N, buổi tối cùng ngày T bỏ đi lên thành phố Hà Nội không thông báo cho ai biết nhằm trốn tránh trách nhiệm chuộc xe về trả cho N.

Ngày 11/05/2021, N đến Cơ quan Công an làm đơn tố cáo hành vi của T và S. Anh Tr đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy cho cơ quan Công an giải quyết. Biết việc N trình báo Cơ quan Công an, S đã đến gặp Tr trả cho Tr số tiền 3.600.000 đồng cầm cố xe máy của N.

Bản kết luận định giá tài sản số 19 ngày 25/5/2021 của Hội đồng định giá trong TTTHS huyện Trực Ninh xác định: Chiếc xe máy biển số 18EA-012.32 nhãn hiệu BOSSYM50 có giá trị là 8.500.000 đồng.

* Xử lý vật chứng:

+ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu BOSSYM50, biển số 18EA-012.32 do anh Triệu Quốc Tr tự nguyện giao nộp. Qua xác minh chiếc xe máy trên là tài sản của chị Nguyễn Thúy H mua và giao cho Lê Hoàng N (là con trai chị H) sử dụng để đi học. Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chị H để sử dụng. Chị H đã nhận lại xe và không yêu cầu S, T phải bồi thường hay có trách nhiệm gì khác.

+ Chiếc điện thoại di động của S dùng liên lạc với Tr để giao dịch cầm cố chiếc xe máy mượn của N, sau đó S đã đem bán cho một người thu mua điện thoại cũ hỏng đi rong đường nhưng S không biết thông tin, nhớ đặc điểm của người này nên CQĐT không tạm giữ được để xử lý.

+ Chiếc điện thoại di động của anh Tr dùng liên lạc với S để giao dịch cầm cố xe máy, khi giao dịch Tr không biết nguồn gốc chiếc xe máy là xe mượn của N nên CQĐT không xem xét xử lý.

Đối với anh Triệu Quốc Tr đã cầm cố chiếc xe máy biển số 18EA-012.32 nhưng Tr không biết chiếc xe máy do Ngô Thiên S và Trần Quang T đem cầm cố do phạm tội mà có nên không phạm tội. Việc cầm cố đến thời điểm phát hiện cũng không xác định lỗi suất. Bản thân anh Triệu Quốc Tr và gia đình không kinh doanh dịch vụ cầm đồ, vì vậy việc Tr nhận cầm cố tài sản do S đem đến chỉ là giao dịch dân sự không có dấu hiệu vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

Đối với Nguyễn Đức H đi cùng T đến quán Internet của Tr cầm cố chiếc xe máy nhưng H không biết nguồn gốc chiếc xe máy T đi là xe mượn của N nên CQĐT không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Văn T1, Vũ Đình C, Vũ Mạnh T đều không được bàn bạc, không biết việc T, S mượn xe máy của N mang đi cầm cố nên CQĐT không xem xét xử lý.

Tại cơ quan điều tra Trần Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Quá trình truy tố Ngô Thiên S đã bỏ trốn nên VKS đã yêu yêu truy nã, tạm đình chỉ đối với bị can S, tách vụ án để giải quyết sau.

Cáo trạng số 61/CT-VKS-TN ngày 16 tháng 10 năm 2021 của VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố bị cáo Trần Quang T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo Trần Quang T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo thực sự ăn năn hối cải mong HĐXX xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Bị hại: Anh Lê Hoàng N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu T bồi thường thêm, về hình phạt đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho T.

* Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Trần Quang T, bà Trần Thị Thủy có ý kiến như sau:

- Về tội danh: Nhất trí như Cáo trạng của VKSND huyện Trục Ninh truy tố bị cáo T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về hành vi: Bị cáo T phạm tội ở độ tuổi vị thành niên nên nhận thức còn hạn chế đã có hành vi phạm tội. Khi phạm tội không được hưởng lợi ích gì. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi mà T gây ra, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS. Áp dụng các Điều 91, 100 BLHS đối với người chưa thành niên phạm tội, xử phạt bị cáo mức án 12 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp.

* Đại diện theo pháp luật của bị cáo, bà Vũ Thị T: Nhất trí như ý kiến của bà Trần Thị Thủy trợ giúp viên, đề nghị HĐXX xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho T, T là người chưa thành niên phạm tội, nhận thức còn hạn chế, thời gian tới gia đình sẽ quan tâm giáo dục T nhiều hơn.

* Đại diện tổ chức tham gia tố tụng, Bà Vũ Thị Phượng: đề nghị HĐXX xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nhận thức còn hạn chế, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của địa phương sẽ kết hợp với các đoàn thể xã hội và gia đình quan tâm giáo dục bị cáo nhiều hơn.

* Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng nêu trên, sau khi luận tội đã đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, 101 BLHS, xử phạt Trần Quang T từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ,

Về trách nhiệm dân sự: Không đạt ra xem xét.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản thu giữ đã trả cho người bị hại, bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên không nên không giải quyết.

Bị cáo có lời nói sau cùng, đề nghị HĐXX xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình Điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản ghi lời khai của người bị hại; Biên bản ghi lời khai người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng; Bản kết luận giám định tài sản số: 19 ngày 25/5/2021 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/4/2021 Ngô Thiên S gọi điện cho Trần Quang T xuống nhờ chút việc. Trần Quang T mượn xe máy biển số 18EA-012.32 trị giá 8.500.000 đồng của anh Lê Hoàng N đang cùng T chơi game tại quán Internet của anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986 ở xã T đi đến gặp Ngô Thiên S tại TDP B, TT C, huyện T; lúc này S nảy sinh ý định nhờ T đem chiếc xe máy trên cầm cố để lấy tiền chơi game; T đồng ý và mang đi cầm cố cho anh Triệu Quốc T tại TDP B, thị trấn C lấy 3.600.000 đồng đưa cho S để S nạp tiền vào tài khoản game và chơi game hết. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS như bản Cáo trạng số 61/CT- VKS - TN ngày 16 tháng 10 năm 2021 của VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, là khách thể được Bộ Luật hình sự công nhận và bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi mượn tài sản của người khác đưa đi

cầm cố là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi, vi phạm pháp luật của mình. Tuy vậy, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân bị cáo, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên, nên cần áp dụng các Điều 91BLHS.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên cũng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội. Về hình phạt: Không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà áp dụng các Điều 91, Điều 100 BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Quang T vì bị cáo là người chưa thành niên phạm tội chưa có tài sản thu nhập gì.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH;

1. Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 100 BLHS.

Tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

- Xử phạt Trần Quang T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Quang T được tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Quang T cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Quang T.

2. Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326 /NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Quang T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Người đại diện; Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã T, huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu